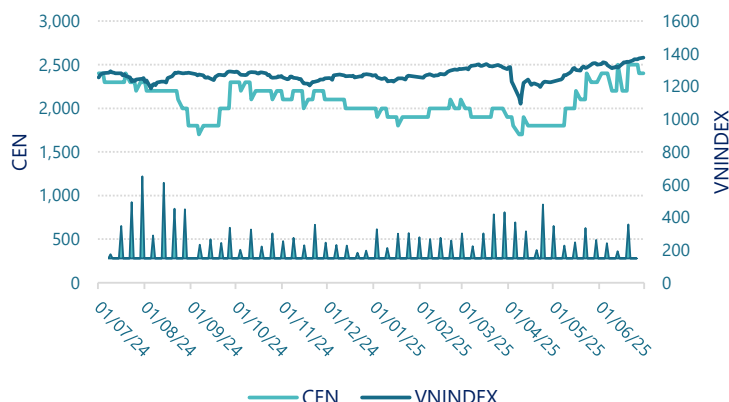


CTCP CENCON Việt Nam (UPCOM: CEN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	21,712,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	73,140
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52
P/E	1116.7
EPS	2

DT thuần

Q2/25

18.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.30 | -1.7%

YoY: ▼0.10 | -0.6%

LN sau thuế

Q2/25

0.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.03 | 269%

YoY: ▼0.03 | -47.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.3%

+/- YoY: ▼0.2%

DT thuần

6T 2025

37.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.30 | -5.8%

LN sau thuế

6T 2025

0.05

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.05 | -51.2%

ROE

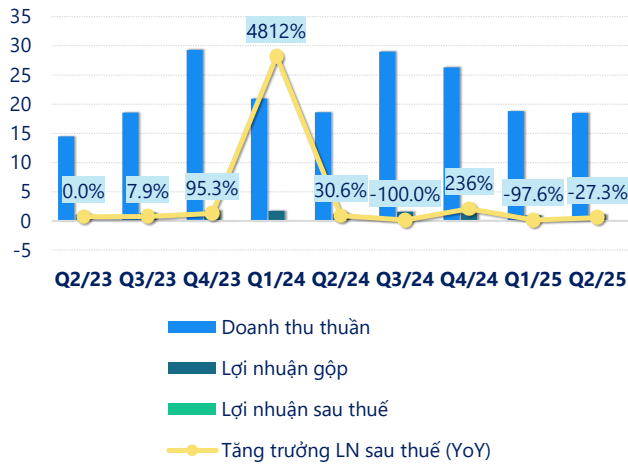
Q2/25

0.0%

+/- YoY: ▼0.1%

tỷ VNĐ

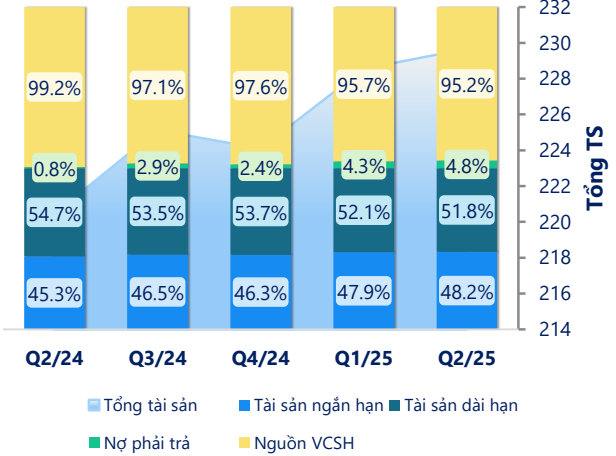
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

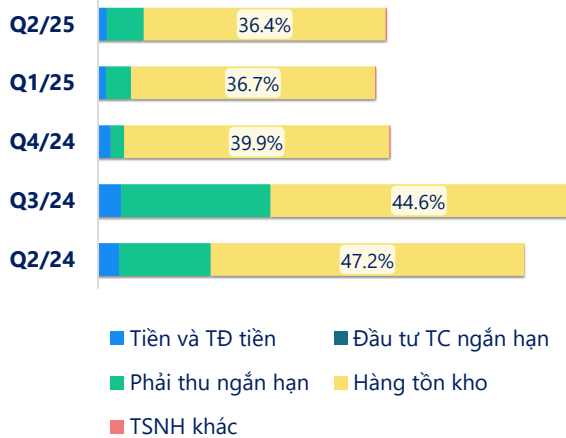
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



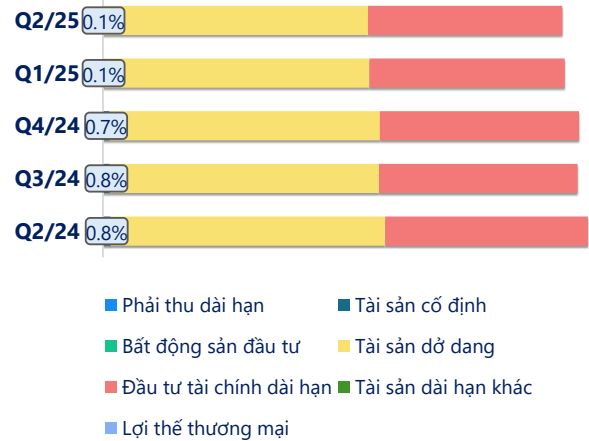
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

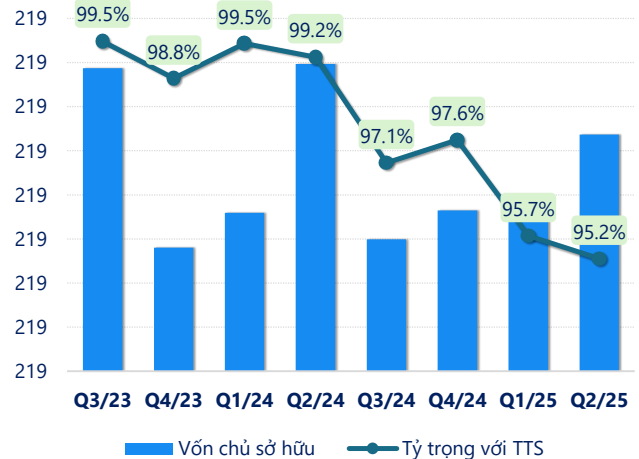
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

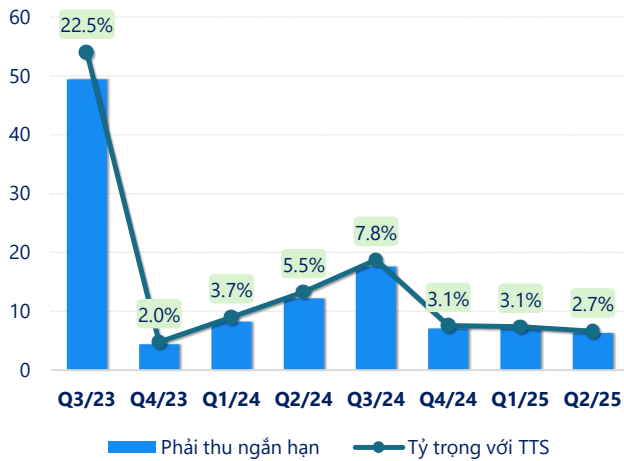
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



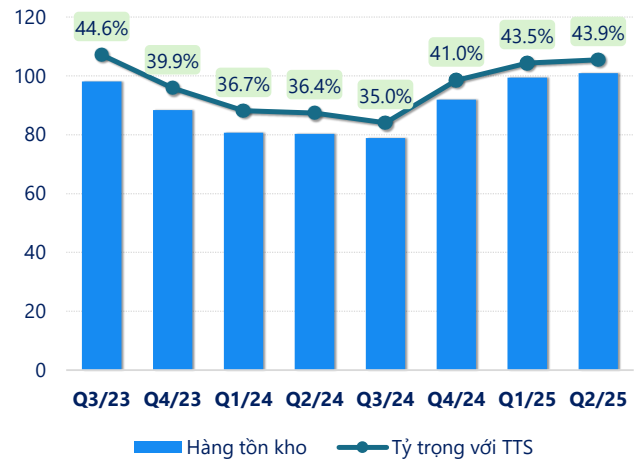
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


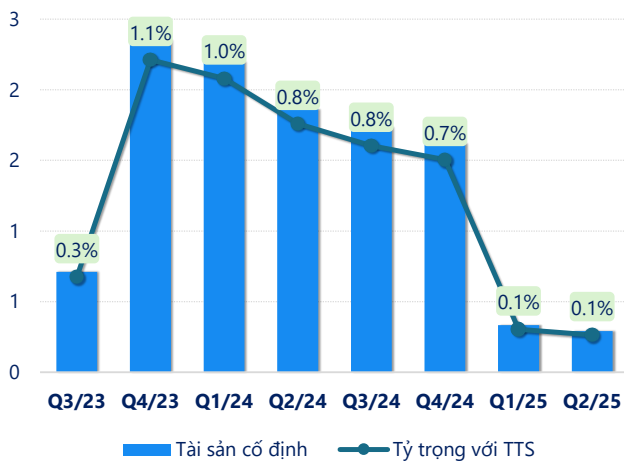
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


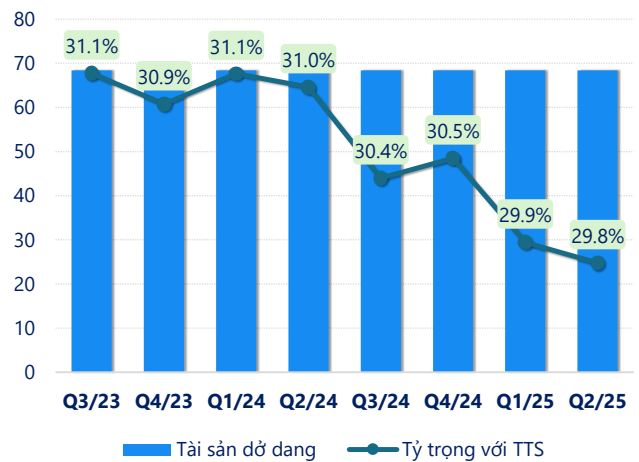
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

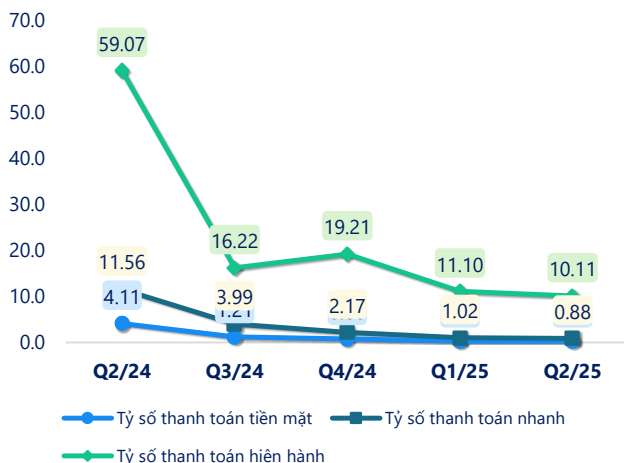
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	220	225	224	229	230
Tài sản ngắn hạn	99.8	105	104	109	111
Tiền và tương đương tiền	6.95	7.81	4.29	2.71	3.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	12.2	17.6	7.05	7.03	6.31
Hàng tồn kho	80.3	78.8	92.0	99.4	101
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.38	0.39	0.27	0.29
Tài sản dài hạn	121	121	120	119	119
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1.86	1.73	1.62	0.33	0.29
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	68.4	68.4	68.4	68.4	68.4
Đầu tư tài chính dài hạn	50.4	50.4	50.4	50.4	50.4
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1.69	6.45	5.40	9.86	10.9
Nợ ngắn hạn	1.69	6.45	5.40	9.86	10.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0.97	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.30	5.64	4.12	8.54	10.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	219	219	219	219	219
Vốn chủ sở hữu	219	219	219	219	219
Vốn điều lệ	217	217	217	217	217
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)